

Bản án số: 29/2023/HS-ST
Ngày 15-03-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sang.

Thẩm phán: Ông Lê Sỹ Trứ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Dũng.

Bà Trương Thị Thu Hà.

Ông Nguyễn Thanh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ngọc Nữ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 115/2021/TLST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Hà Thanh G sinh năm 1988 tại tỉnh Kiên Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Lô 17-xx, đường số 6, khu phố 5, phường A, thành phố G, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn T và bà Đinh Kim V; bị cáo có vợ là bà Trần Thị C và 02 người con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 12/6/2012, Hà Thanh G bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang xử phạt 16 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2012/HSST (đã chấp hành xong ngày 01/02/2013); ngày 26/9/2022, Hà Thanh G bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 16 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án hình sự phúc thẩm số: 737/2022/HSPT; bị cáo bị tạm giam trong vụ án khác từ ngày 11/5/2020, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hà Thanh G:* Ông Hoàng Ng là Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV T. Địa chỉ: số 301/1, đường Phạm Ngũ L, khu phố 3, phường Th, thành phố M, tỉnh Bình Dương cho Hà Thanh G, có mặt.

- *Bị hại:* Bà Lê Thị M, sinh năm: 1960, nơi cư trú: số 25A/xx khu phố T, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Ông Lê Quan H, sinh năm 1958, nơi cư trú: số 25A/xx khu phố T, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

+ Bà Trần Thị C, sinh năm 1995, nơi cư trú: Lô 17-xx, đường số 6, khu phố 5, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2016, Hà Thanh G quen với bà Lê Thị M (sinh năm 1960, nơi cư trú: số 25A/xx khu phố T, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương). Quá trình quen biết, G đưa ra thông tin gian dối với bà M, G tên Võ Quốc T, có quen với người làm việc ở Thanh tra Chính phủ có thể lo các thủ tục, giấy tờ bất động sản cho bà M nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của bà M. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Dự án Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lâm nông sản S— Xí nghiệp chế biến Lâm nông sản D.

Khoảng đầu năm 2016, biết bà M đang có nhu cầu mua lô đất có diện tích 27.484m², do Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lâm nông sản S – Xí nghiệp Chế biến Lâm nông sản D đang quản lý, sử dụng, tọa lạc tại đường Lý Thường K, khu phố Đ, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Bà M nhờ G lo để bà M mua lô đất này thì G đồng ý.

Trong thời gian từ ngày 29/9/2016 đến ngày 29/12/2017, Hà Thanh G chiếm đoạt của bà M tổng cộng số tiền là 9.770.000.000 đồng (chín tỷ bảy trăm bảy mươi triệu đồng). Các lần nhận tiền:

Đợt 1: Từ ngày 03/10/2016 đến 01/12/2016, Hà Thanh G nhận của bà M số tiền 4.500.000.000 đồng tại nhà bà M.

Đợt 2: Từ ngày 23/01/2017 đến ngày 25/4/2017, để tiếp tục nhận tiền của bà M, G nói dối cần thêm tiền để biếu quà tết cho các lãnh đạo Bộ ngoài Hà Nội. Bà M tin tưởng nên đưa cho G số tiền 3.140.000.000 đồng tại nhà bà M.

Đợt 3: Để tiếp tục nhận tiền của bà M, G đưa ra thông tin gian dối cần biểu quả cho N, B, T là cán bộ ngoài Bộ. Nghe vậy bà M tin thật nên đưa cho G số tiền 2.030.000.000 đồng tại nhà của bà M.

Tại Bản kết luận giám định số 458 ngày 26/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: chữ ký không ghi họ tên và chữ ký, chữ viết họ tên “Võ Quốc T” dưới các mục “bên nhận tiền”, “bên nhận trả tiền” trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết họ tên của Hà Thanh G (Võ Quốc T) trên các tài liệu mẫu do cùng một người ký và viết ra.

Vụ thứ hai: Đất ở huyện P – tỉnh Kiên Giang.

Đầu năm 2017, G giới thiệu cho bà M mua (giấy tay) 01 lô đất ở ấp B, xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang (đất rừng phòng hộ, diện tích khoảng 50 ha). Bà M liên hệ với G để nhờ G lo các cơ quan chức năng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên. G biết thửa đất trên là đất rừng phòng hộ không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng để chiếm đoạt tiền của bà M, G nói dối là G có làm được với chi phí là 3.600.000.000 đồng (ba tỷ sáu trăm triệu đồng).

Trong thời gian từ tháng 3 năm 2017 đến tháng 7 năm 2017, bà M đưa cho G tổng số tiền là 3.800.000.000 đồng (ba tỷ tám trăm triệu đồng) để lo các thủ tục pháp lý cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M.

Sau khi chiếm đoạt được tiền của bà M, Hà Thanh G tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 20/8/2020, bà Lê Thị M làm đơn tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Hà Thanh G đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương.

Tại Kết luận giám định số 116 ngày 29/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Chữ viết và chữ ký, chữ viết họ tên “Hà Thanh G” trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết họ tên của Hà Thanh G trên các tài liệu mẫu do cùng một người viết và ký ra.

Quá trình điều tra, Hà Thanh G khai bản thân không có điều kiện, khả năng để lo cho bà M mua lô đất diện tích 27.484m², do Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lâm nông sản S– Xí nghiệp chế biến Lâm nông sản D đang quản lý, sử dụng nhưng G đưa ra thông tin gian dối là mình có quen với người làm việc tại thanh tra Chính phủ làm cho bà M tin thật để giao số tiền 9.770.000.000 (chín tỷ bảy trăm bảy mươi triệu) đồng. G cũng không có khả năng lo cho bà M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại lạc tại ấp B, xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Hà Thanh G khai số tiền 13.570.000.000 đồng chiếm đoạt được của bà M, G đưa cho một người đàn ông tên Th (không rõ lai lịch) số tiền 1.800.000.000 (một tỷ tám trăm triệu) đồng tại quán cà phê Đ thuộc Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; G đưa cho T (không rõ lai lịch) 1.150.000.000 (một tỷ một trăm năm mươi triệu)

đồng; mua 05 xe ô tô với số tiền 4.780.000.000 (bốn tỷ bảy trăm tám mươi triệu) đồng; mua đất tại tỉnh Kiên Giang với số tiền 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng. Số tiền còn lại G tiêu xài cá nhân hết.

Kết quả điều tra xác định: G khai đưa 1.800.000.000 đồng cho đối tượng tên Th; G đưa cho T (không rõ lai lịch) số tiền 1.150.000.000 đồng. Việc G đưa tiền cho những đối tượng trên không có giấy tờ, tài liệu thể hiện do đó lời khai của G không có căn cứ. Xác minh thông tin tài sản của Hà Thanh G: hiện bà Trần Thị C (vợ G) đang đứng tên sở hữu xe ô tô biển số 68A-xxx62, nhãn hiệu TOYOTA. Xe này đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Q- Chi nhánh tỉnh Kiên Giang - phòng giao dịch R. Hà Thanh G không đứng tên sở hữu tài sản nào khác.

Về trách nhiệm dân sự: Từ ngày 23/4/2019 đến ngày 18/11/2019, Hà Thanh G đã trả cho bà Lê Thị M số tiền 1.050.000.000 đồng. Bà Lê Thị M yêu cầu Hà Thanh G phải bồi thường số tiền còn lại 12.520.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 45/CT-VKSBD.P2, ngày 08 tháng 10 năm 2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định: truy tố Hà Thanh G về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174, của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm giữ nguyên quyết định truy tố đối Hà Thanh G và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt Hà Thanh G mức án từ 14 đến 16 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tổng hợp hình phạt với Bản án hình sự phúc thẩm số 737/2022/HSPT ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo Hà Thanh G có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lê Thị M số tiền 12.520.000.000 đồng.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hà Thanh G trình bày lời bào chữa:* đối với hành vi phạm tội bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình là phù hợp với nội dung cáo trạng đã truy tố. Về mức hình phạt và khung hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị là tương xứng với hành vi và mức độ bị cáo đã thực hiện nên người bào chữa không tranh luận. Tuy nhiên, người bào chữa còn có một số ý kiến khác mặc dù không được xem là tình tiết giảm nhẹ nhưng cần xem xét vai trò của bị hại cũng là người kinh doanh bất động sản nhưng lại không tự liên hệ để thương lượng chuyển nhượng, thực hiện các thủ tục pháp lý mà nhờ bị cáo tác động để mua đất, làm hồ sơ. Đối với thửa đất tại tỉnh Kiên Giang giá quá rẻ so với thực tế, việc mua bán không thông qua cơ quan nhà nước. Hành vi của bị hại đã tạo điều kiện cho bị cáo thực hiện việc lừa đảo. Nếu không có sự quá tin tưởng của bị hại thì bị cáo không thể thực hiện được hành vi lừa đảo đối với bị hại. Việc bị hại liên tục đưa cho bị cáo số tiền rất lớn để làm thủ tục nhưng bị hại chỉ đưa tiền mà không yêu cầu kết quả, việc này, bị hại nên rút kinh nghiệm.

- Bị cáo G không bỏ sung lời bào chữa.
- Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận.
- Đại diện Viện kiểm sát không tranh luận đối đáp.

Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo thực sự rất ăn năn hối cải, bị cáo sẽ vận động gia đình bồi thường cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến, khiếu nại về hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Hà Thanh G khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, biên bản hỏi cung bị can, lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Từ ngày 29/9/2016 đến ngày 29/12/2017, Hà Thanh G đưa ra thông tin gian dối với bị hại Lê Thị M: G tên Võ Quốc T, có quen với người làm việc tại Thanh tra Chính phủ có thể giúp cho bà M mua lô đất có diện tích 27.484m² (tọa lạc tại, khu phố Đ, phường A, Thành phố D, tỉnh Bình Dương), do Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lâm nông sản S – Xí nghiệp chế biến Lâm nông sản D đang quản lý, sử dụng. Bị hại Lê Thị M tin tưởng nên đã nhiều lần đưa cho Hà Thanh G tiền, tổng cộng là 9.770.000.000 (chín tỷ bảy trăm bảy mươi triệu) đồng. Thực chất G không quen ai và sử dụng số tiền vào việc tiêu xài cá nhân. Ngoài ra, từ tháng 3 năm 2017 đến tháng 7 năm 2017, Hà Thanh G nói dối với bà Lê Thị M, G có thể lo các cơ quan chức năng để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 50ha tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang cho bà Lê Thị M. Do tin tưởng nên bà Lê Thị M đã đưa cho Hà Thanh G số tiền là 3.800.000.000 (ba tỷ tám trăm triệu) đồng. Tổng số tiền Hà Thanh G chiếm đoạt của bà Lê Thị M là 13.570.000.000 đồng. G sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Bị cáo đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo thực hiện đã hội đủ các yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo với tội danh, điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, bị cáo nhận thức rõ hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi bị cáo vẫn cố ý thực hiện, bất chấp hậu quả. Hiện nay trên địa bàn tỉnh Bình Dương, tội phạm xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản với số tiền lớn ngày càng gia tăng và diễn biến phức tạp, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện tội phạm nhằm có tác dụng giáo dục, trừng trị đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã tự nguyện khắc phục cho bị hại số tiền 1.050.000.000 đồng khắc phục một phần hậu quả, do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Đối chiếu với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, hình phạt Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo Hà Thanh G là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do bị cáo Hà Thanh G bị xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Bản án hình sự phúc thẩm số: 737/2022/HSPT, ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để tổng hợp hình phạt và buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại Lê Thị M yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền chiếm đoạt 13.570.000.000 đồng, bị cáo tự nguyện bồi thường 1.050.000.000 đồng, bà M yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường 12.520.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo tự nguyện bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Hà Thanh G phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 56 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Hà Thanh G 16 (mười sáu) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp với hình phạt 16 (mười sáu) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Bản án hình sự phúc thẩm số 737/2022/HSPT, ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo Hà Thanh G phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 30 (ba mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11 tháng 5 năm 2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Hà Thanh G có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lê Thị M số tiền 12.520.000.000 đồng (mười hai tỷ năm trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Hà Thanh G phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 120.520.000 (một trăm hai mươi triệu năm trăm hai mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT1);
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng PC01 - Công an tỉnh Bình Dương (2);
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng (5);
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú (2);
- Trại Tạm giam - Công an tỉnh Bình Dương;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án (6);
- Tổ Hành chính tư pháp (2);
- Lưu: hồ sơ vụ án, PTMD, 30.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Nguyễn Thị Sang